GrammarTrack

SƠ CẤP PHIẾU BÀI TẬP PDF

Bài tập thì quá khứ đơn có đáp án



có đáp án

Thì Past Simple (quá khứ đơn): công thức ngắn, cách chọn was, were hay did, dấu hiệu nhận biết và năm bài tập với 30 câu, đáp án ở trang cuối. Trình độ A2.

HỌ TÊN

NGÀY

QUY TẮC

Công thức thì quá khứ đơn

	Động từ to be	Động từ thường
Khẳng định	I was / they were	I worked / I went
Phủ định	wasn't / weren't	didn't work / didn't go
Câu hỏi	Was he? / Were they?	Did you work? / Did you go?

was: I, he, she, it, danh từ số ít và danh từ không đếm được. **were**: you, we, they, danh từ số nhiều. Sau **did, didn't**: động từ nguyên thể.

QUY TẮC

Dấu hiệu nhận biết

- **yesterday**, **last** week / month / year, two days **ago**
- **in** 2019, **when** I was a child, câu hỏi **When...?**

1 Bài 1. Điền was hoặc were

Điền was hoặc were vào chỗ trống.

1 My grandmother _____ a teacher.

2 You _____ late again this morning, Hoa.

3 The students _____ in the library.

4 The soup _____ too hot.

5 Everybody _____ tired after the trip.

6 Minh and I _____ in the same class.

7 There _____ two cats in the garden.

2 Bài 2. Chia động từ trong ngoặc

Chia động từ trong ngoặc ở thì quá khứ đơn.

1 We _____ (visit) our grandparents last Sunday.

2 She _____ (stop) the car and got out.

3 I _____ (not / see) Nam at school yesterday.

4 My brother _____ (study) for three hours last night.

5 They _____ (go) to Ha Long Bay in 2019.

6 _____ (you / call) your mum yesterday?

7 He _____ (buy) a new phone two days ago.

3 Bài 3. Chọn was, were hay did

Khoanh tròn đáp án đúng.

1 _____ you at home last night?

a) Did b) Were c) Was

2 _____ she like the film?
a) Was b) Were c) Did

3 Where _____ you go on holiday?
a) did b) were c) was

4 Why _____ Tom angry yesterday?
a) did b) were c) was

5 I _____ not tired after the match.
a) did b) was c) were

6 _____ they enjoy the party?
a) Were b) Did c) Was

4 Bài 4. Viết câu phủ định và câu hỏi

Viết lại câu theo yêu cầu trong ngoặc.

1 She was at work yesterday. (phủ định)

2 They played football after school. (câu hỏi)

3 Lan bought a new dress. (phủ định)

4 The test was difficult. (câu hỏi)

5 You went to Hue last summer. (câu hỏi với Where)

5 Bài 5. Tìm và sửa lỗi người Việt hay mắc

Mỗi câu có một lỗi. Viết lại câu đúng.

1 I was go to the cinema yesterday.

2 My sister tired after work yesterday.

3 **Did you be at the party?**

4 **Where you were last night?**

5 **He didn't went to school last Monday.**

QUÉT MÃ ĐỂ TẢI ỨNG DỤNG

Luyện tập trong ứng dụng GrammarTrack

Nhiệm vụ hằng ngày, XP và chuỗi ngày học – có âm thanh và chấm điểm ngay.

Tải về trên App Store

Tải nội dung trên Google Play

Hoặc luyện tập trên website: **grammartrack.com/vi/courses/topics/past-simple**

Đáp án

Bài tập thì quá khứ đơn có đáp án

1

1 was | 2 were | 3 were | 4 was | 5 was | 6 were | 7 were

2

1 visited | 2 stopped | 3 didn't see (did not see) | 4 studied | 5 went | 6 Did you call | 7 bought

3

1 b) Were | 2 c) Did | 3 a) did | 4 c) was | 5 b) was | 6 b) Did

4

1 She wasn't at work yesterday. / She was not at work yesterday.
2 Did they play football after school?
3 Lan didn't buy a new dress. / Lan did not buy a new dress.
4 Was the test difficult?
5 Where did you go last summer?

5

1 I went to the cinema yesterday.
2 My sister was tired after work yesterday.
3 Were you at the party?
4 Where were you last night?
5 He didn't go (did not go) to school last Monday.